TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2017/HNGĐ-PT Ngày 08/11/2017 V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuyên

Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng

Ông Nguyễn Tài Sử

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2017/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2017 về việc "*Chia tài sản chung sau khi ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hùng C (tên gọi khác: T), sinh năm 1964 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Hùng C: Ông Nguyễn Viết L – có mặt.

Địa chỉ: Số 79 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Lệ, sinh năm 1964 – có mặt;

Địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Phạm Thị T – vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

+ Ông Nguyễn Hữu T – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

+ Chị Nguyễn Thị H – vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Hùng C – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Năm 2011 ông Lê Hùng C ly hôn với bà Phạm Thị L nhưng chưa giải quyết vấn đề tài sản mà thỏa thuận với nhau nội dung: ông C để lại toàn bộ tài sản và các khoản mà người khác nợ vợ chồng ông bà để bà L đứng ra trả toàn bộ nợ chung. Ngày 01/11/2011 ông C và bà L thỏa thuận, bà L đồng ý để ông C sử dụng 1.944m^2 đất nông nghiệp tại thôn N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông và cấn trừ diện tích đất 491m^2 để trả nợ cho em của bà L là bà Phạm Thị N.

Tài sản chung của ông C và bà L tại thời điểm ly hôn gồm:

- 01 thửa đất nông nghiệp trồng tiêu diện tích 1.944m^2;

- 01 thửa đất trắng diện tích 491m^2;

- 270.000.000 đồng do chuyển nhượng 01 mảnh đất diện tích 8000m^2 cà phê kinh doanh cho ông Nguyễn Tấn K;

- 01 tấn cà phê nhân khô năm 2011 đã trừ chi phí còn lại 90.000.000 đồng;

- Số tiền bà Nguyễn Thị P còn nợ ông C bà L là 30.000.000 đồng;

- Bà Nguyễn Thị H còn nợ là 30.000.000 đồng;

- Bà Phạm Thị Lâm O còn nợ là 60.000.000 đồng;

- Bà Phạm Thị T còn nợ là 40.000.000 đồng;

- Ông Nguyễn Hữu T còn nợ là 10 chỉ vàng y và 4.000.000 đồng tiền lãi; tính giá trị thành tiền là 44.000.000 đồng;

- Số tiền thu cà phê từ 01ha cà phê năm 2010 là 205.000.000 đồng, đã trừ chi phí còn lại là 175.000.000 đồng;

- Tiền thu tiêu từ số tiêu trồng xen cà phê năm 2010 là 30.000.000 đồng;

- Số tiền 295.000.000 đồng có được do chuyển nhượng các thửa đất tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông có các ông Hoảnh Văn H, ông Dương Văn S, ông Nguyễn Văn S, ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn Đ, ông Vi Quang V.

Ông C yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết toàn bộ số tài sản trên theo quy định pháp luật.

Trong đơn phản tố ngày 21/3/2016, bản tự khai, quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Năm 2011 bà Phạm Thị L và ông Lê Hùng C ly hôn nhưng chưa giải quyết vấn đề về chia tài sản chung.

Thời điểm ly hôn tài sản chung của bà Phạm Thị L và ông Lê Hùng C gồm:

- 01 thửa đất diện tích 1.944m^2 đất nông nghiệp trồng tiêu tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông;

- 01 thửa đất trắng diện tích 491m^2 tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông;

- 265.000.000 đồng do chuyển nhượng 01 mảnh đất diện tích 8.000m^2 cà phê kinh doanh cho ông Nguyễn Tấn K;

- Số cà phê thu năm 2011 đã trừ chi phí còn lại 10.000.000 đồng;

- Số tiền bà Nguyễn Thị P nợ ông C, bà L là 30.000.000 đồng;

- Bà Nguyễn Thị H còn nợ 5.000.000 đồng; bà Phạm thị Lâm O còn nợ 60.000.000 đồng;

- Bà Phạm Thị T còn nợ là 10.000.000 đồng,

- Ông Nguyễn Hữu T còn nợ là 10 chỉ vàng y nhưng ông T chỉ mới trả được 5.000.000 đồng;

- Số tiền thu cà phê từ 1,3 ha cà phê năm 2010 là 205.000.000 đồng sau khi trừ chi phí còn lại là 175.000.000 đồng và số tiền thu tiêu từ số tiêu xen cà phê là là 30.000.000 đồng;

- Số tiền 295.000.000 đồng có được do chuyển nhượng các thửa đất tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông có các ông Hoảnh Văn H, ông Dương Văn S, ông Nguyễn Văn S, ông Phạm Văn H, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn Đ, ông Vi Quang V;

- 140.000.000 đồng do thu tiêu từ năm 2014-2016;

- 80.000.000 đồng do thu tiêu từ năm 2011-2013;

Ngoài ra, bà còn yêu cầu Tòa án chia số tiền thu tiêu năm 2011-2013 là 80.000.000 đồng và số tiền thu tiêu năm 2014-2016 là 140.000.000 đồng. Tổng là 1.320.000.000 đồng.

Về công nợ chung bao gồm:

- Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ 135.000.000 đồng (bà L đã trả).

- Nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam Chi nhánh Đ 35.000.000 đồng (bà L đã trả).

- Nợ ông Nguyễn Văn T 195.000.000 đồng (bà Lđã trả).

- Nợ bà Phạm Thị N 230.000.000 đồng; (đợt một 150.000.000 đồng; đợt hai 80.000.000 đồng) (bà L đã trả).

- Nợ ông Hoàng Duy T 190.000.000 đồng (trong đó cấn trừ thửa đất cho anh S, chị L giá 60.000.000 đồng) (bà L đã trả).

Tổng cộng bà L đã trả 785.000.000 đồng, còn 25.000.000 đồng bà L cho ông Đ, bà X vay số tiền 25.000.000 đồng nhưng ông Đ, bà X không trả.

Đối với 05 người con chung của ông Lê Hùng C và bà Phạm Thị L được xác định là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Bà L và ông C có 05 người con chung bao gồm: Lê Minh C, sinh năm 1985; Lê Thị Thuỳ P, sinh năm 1987; Lê Minh T, sinh năm 1989; Lê Thị Thuỳ N, sinh năm 1992 và Lê Minh H, sinh năm 1994 (Bút lục 164). Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cả 05 người này đã xác định không có liên quan, không biết gì về số tài sản ông C, bà L tranh chấp và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì, cũng như việc ông C, bà L xác định số tài sản tranh chấp giữa hai người không liên quan tới các con, vì vậy, không đề cập giải quyết nữa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 01-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đăk Nông quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hùng C. Chia tài sản chung của ông Lê Hùng C và bà Phạm Thị L sau khi ly hôn như sau:

Giao cho ông Lê Hùng C sử dụng phần diện tích 1678,1m^2 thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 50 tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông có tứ cận phía bắc giáp đường nhựa cạnh dài 25,8m; phía Nam giáp thửa đất số 70,39 cạnh dài 65,8m; phía Đông giáp thửa đất số 33, một phần thửa đất số 53 cạnh dài 45m phía Tây giáp đường đất cạnh dài 10,14m và 66 cây hồ tiêu kèm theo trụ keo có trên đất.

Giao cho bà Phạm Thị L được sử dụng toàn bộ thửa đất số 33, tờ bản đồ số 50 đo trên bản đồ giải thửa và đo trên thực địa có cùng kết quả là thửa đất diện tích 491m^2 tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông có tứ cận phía bắc giáp đường nhựa cạnh dài 15m, phía Nam giáp thửa đất số 53 cạnh dài 15m, phía Đông giáp thửa số 32, 42 cạnh dài 32m, phía Tây giáp thửa số 53 cạnh dài 32m.

Ông Lê Hùng C có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 74.773.000 đồng do chênh lệch giá trị tài sản.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia căn nhà gỗ của bà Phạm Thị L.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 28/8/2017 ông Lê Hùng C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia đôi đôi tài sản mà bà L đã giữ và khai không có tại Tòa án.

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Viết L người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hùng C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung của ông C và bà L theo quy định của pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà phát biểu ý kiến với các nội dung:

Đơn kháng cáo của ông Lê Hùng C làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy năm 2011, giữa ông C và bà L đã thỏa thuận về việc chia tài sản, theo đó ông C để lại toàn bộ tài sản và các khoản vay mượn cho bà L, bà L có nghĩa vụ trả nợ, nội dung này ông C và bà L đều thừa nhận. Sau khi thỏa thuận thì bà L đã trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh huyện Đ 135 triệu đồng có xác nhận của Ngân Hàng tại Bút lục 207; trả nợ cho Ngân hàng chính sách huyện Đ 30.171.000đ có xác nhận của Ngân hàng tại Bút lục 211; trả cho bà Phạm Thị N 230.000.000đ (đã được xem xét trong vụ án do bà N khởi kiện trước đây); trả cho ông Nguyễn Văn T 195.000.000đ (Lời khai ông T tại Bút lục 191); trả cho ông Hoàng Duy T 100.000.000đ (Lời khai ông T–Bút lục 197). Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông C cho rằng tiền trả nợ là do ông C đưa cho bà L trả tuy nhiên ông không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

Vì vậy việc ông C yêu cầu chia: 03 tấn cà phê nhân khô năm 2011 đã trừ chi phí còn lại 90.000.000đ; Bà Nguyễn Thị H còn nợ là 30.000.000đ, bà Phạm thị T còn nợ là 40.000.000đ; ông Nguyễn Hữu T còn nợ 10 chỉ vàng y và 4 triệu đồng, là không có căn cứ. Do vậy việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chấn là có căn cứ.

Đối với các nội dung cấp sơ thẩm đã phân chia đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 50 toạ lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông và thửa đất số 33, tờ bản đồ số 50, đo đạc trên thực địa thửa đất có cùng đất có cùng 491m ^{2} tọa lạc tại thôn 11 xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông ông C và bà L không kháng cáo nên không xem xét giải quyết

Đối với nội dung ông C đề nghị xem xét việc bà L cho Đ, X vay 25 triệu đồng. Tuy nhiên, nội dung này ông C không khởi kiện nên không thuộc phạm vi xem xét của Tòa án.

Tuy nhiên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ còn có vi phạm điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể là chưa quyết định hết từng nội dung cần giải quyết như chỉ tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H mà không tuyên bác phần nào, không giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bà L. Những nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị nên không có cơ sở để xem xét phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử rút kinh nghiệm đối với tòa sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, xét thấy nội dung kháng cáo của ông Lê Hùng C là không có căn cứ để chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 tuyên giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ như đã phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hùng C. Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về số tiền có được của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ông C khai 974 triệu đồng, bà L chỉ thừa nhận có 805 triệu đồng. Tuy nhiên, bà L cũng đã chấp nhận việc ông C giao cho bà L toàn bộ số tiền nêu trên để bà L trả các khoản nợ (ngân hàng và các cá nhân) và thực tế, bà L đã trả được 785 triệu đồng. Số nợ còn lại bà L vẫn chưa lấy được và số tiền hai người còn nợ bà L chưa trả được nhưng bà L không yêu cầu gì vì đã chấp nhận thỏa thuận khi ly hôn với ông C.

Đối với nội dung kháng cáo cho rằng bà Phạm Thị T nợ ông C, bà L số tiền 40.000.000 đồng, bà L khai 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H nợ 30.000.000 đồng, bà L khai 5.000.000 đồng, ông Nguyễn Hữu T nợ 44.000.000 đồng, bà L khai 5.000.000 đồng; Hội đồng xét xử xét thấy đây là những lời khai của bà T, bà H, ông T chứ các bên không cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình, hơn nữa số nợ này bà T, bà H, ông T đã trả xong cho bà L, ông C và một số nợ họ đã trả góp trong thời kỳ hai người còn sống chung và đã chi tiêu, một số nợ mà ông C kê khai nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét thực tế nữa mà chỉ xem như một phần để nhận định số tài sản cấn trừ nợ chung mà bà L đã trả.

Đối với số tiền 25 triệu ông Đ, bà X vay nhưng đã trả xong năm 2010, tuy ông C không biết nhưng hiện nay ông Đ, bà X đã đi khỏi địa phương, bà L cung cấp được giấy tờ vay tiền của ông Đ, bà X (Bút lục 83, 84).

Đối với diện tích đất cà phê kinh doanh diện tích 8 sào, bà L tự thu hoạch, ông C cho rằng có khoảng 90.000.000 đồng, tuy nhiên diện tích đất này ông C đã thỏa thuận giao cho bà L tự thu hoạch nên Tòa án sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2] Việc ông C yêu cầu chia số tiền chênh lệch nêu trên, cho rằng bà L khai không đúng như bảng kê của ông; nhưng ông C cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Hơn nữa, phần này ông Chấn đã thoả thuận với bà Lệ từ khi giải quuyết việc ly hôn năm 2011 (Bút lục 273, 285) nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C về chia hai thửa đất số 53 cho ông C, số 33 cho bà L và ông C phải trả tiền giá trị chênh lệch cho bà L là có căn cứ phù hợp, có cơ sở pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, trên Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án sơ thẩm tuyên giao cho ông Lê Hùng C sử dụng thửa đất số 53, tờ bản đồ số 50 tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; giao cho bà Phạm Thị L thửa

đất diệc tích 491 m^2, tọa lạc tại thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; Ông C có nghĩa vụ hoàn trả số tiền chênh lệch 74.773.000 đồng cho bà Phạm Thị L là có căn cứ, phù hợp.

Từ phân tích và nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hùng C, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án huyện Đ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông C không được chấp nhận nên ông C phải chịu án phí DSPT.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hùng C.

2. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 06/2017/HNGĐ-ST ngày 01/8/2017 của Tòa án huyện Đ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Hùng C phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000352 ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đ;
- C.C THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa dân sự, Văn thư, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Văn Thuyên